

Tổng hợp kiến thức về So sánh kép (Double Comparison)

So sánh kép, hay còn gọi là so sánh đồng tiến, là một cấu trúc ngữ pháp quan trọng trong tiếng Anh dùng để diễn tả mối quan hệ nguyên nhân – kết quả hoặc sự thay đổi song song giữa hai sự vật, sự việc. Cấu trúc này có nghĩa là "càng... thì càng...".

1. So sánh kép (Double Comparison) là gì?

So sánh kép được dùng khi chúng ta muốn nói rằng một sự vật/sự việc thay đổi (tăng lên hoặc giảm đi) sẽ dẫn đến sự thay đổi tương ứng ở một sự vật/sự việc khác. Cấu trúc này luôn có hai vế, được ngăn cách bởi dấu phẩy.

2. Các cấu trúc so sánh kép phổ biến

Cấu trúc chung của so sánh kép là: **The + so sánh hơn + S + V, the + so sánh hơn + S + V.**

2.1. Với tính từ (Adjective) và trạng từ (Adverb) ngắn

Tính từ/trạng từ ngắn là những từ có một âm tiết (ví dụ: big, fast, hard) hoặc một số từ có hai âm tiết kết thúc bằng -y, -le, -ow, -er, -et (ví dụ: happy, simple, quiet).

Công thức: The + adj/adv-er + S + V, the + adj/adv-er + S + V.

- **Ví dụ 1:** The **harder** you study, the **better** your grades will be. (Bạn càng học chăm chỉ thì điểm số của bạn sẽ càng tốt.)
- **Ví dụ 2:** The **older** he gets, the **wiser** he becomes. (Anh ấy càng lớn tuổi thì càng trở nên khôn ngoan hơn.)
- **Ví dụ 3:** The **sooner** we leave, the **earlier** we will arrive. (Chúng ta càng rời đi sớm thì sẽ càng đến nơi sớm hơn.)

2.2. Với tính từ và trạng từ dài

Tính từ/trạng từ dài là những từ có hai âm tiết trở lên (ví dụ: beautiful, intelligent, carefully).

Công thức: The + more/less + long adj/adv + S + V, the + more/less + long adj/adv + S + V.

- **Ví dụ 1:** The **more careful** you are, the **fewer** mistakes you will make. (Bạn càng cẩn thận thì bạn sẽ càng mắc ít lỗi hơn.)
- **Ví dụ 2:** The **more interesting** the book is, the **more quickly** I read it. (Quyển sách càng thú vị thì tôi đọc nó càng nhanh.)
- **Ví dụ 3:** The **less difficult** the exam is, the **more confident** the students feel. (Bài kiểm tra càng ít khó thì học sinh càng cảm thấy tự tin.)

2.3. Với danh từ (Noun)

Cấu trúc so sánh kép cũng có thể được sử dụng với danh từ để chỉ sự thay đổi về số lượng.

Công thức:

- The more + Noun (đếm được/không đếm được) + S + V, the + comparative...
- The fewer + Noun (đếm được số nhiều) + S + V, the + comparative...
- The less + Noun (không đếm được) + S + V, the + comparative...
- **Ví dụ 1:** The **more books** you read, the **more knowledge** you gain. (Bạn càng đọc nhiều sách, bạn càng có thêm nhiều kiến thức.)
- **Ví dụ 2:** The **more time** he spends on his phone, the **worse** his eyesight becomes. (Anh ấy càng dành nhiều thời gian cho điện thoại, thị lực của anh ấy càng trở nên tệ hơn.)
- **Ví dụ 3:** The **less money** I spend, the **more** I can save. (Tôi càng tiêu ít tiền, tôi càng tiết kiệm được nhiều hơn.)

2.4. So sánh về hành động (với động từ)

Khi muốn nhấn mạnh vào mức độ của hành động, ta dùng "the more" ngay sau chủ ngữ.

Công thức: The more + S + V, the + comparative...

- **Ví dụ 1:** The **more** she practices, the **better** she plays the piano. (Cô ấy càng luyện tập nhiều, cô ấy chơi piano càng hay.)
- **Ví dụ 2:** The **more** they talked, the **more comfortable** they felt. (Họ càng nói chuyện nhiều, họ càng cảm thấy thoải mái hơn.)

3. Các trường hợp đặc biệt và lưu ý

3.1. Tính từ và trạng từ bất quy tắc

Một số tính từ và trạng từ có dạng so sánh hơn bất quy tắc. Chúng ta cần ghi nhớ các dạng này.

Nguyên thể	So sánh hơn	Ví dụ
good / well	better	The more you practice, the better you become.
bad / badly	worse	The longer you wait, the worse the situation gets.
many / much	more	The more you eat, the fatter you get.
little	less	The less you worry, the happier you will be.
far	farther / further	The farther we walked, the more tired we felt.

3.2. Lược bỏ chủ ngữ và động từ

Trong một số thành ngữ hoặc khi văn cảnh đã rõ ràng, chủ ngữ và động từ ở cả hai vế có thể được lược bỏ để câu văn ngắn gọn hơn.

Công thức: The + comparative, the + comparative.

- **Ví dụ 1:** The sooner, the better. (Càng sớm càng tốt.) -> (The sooner it is, the better it will be.)
- **Ví dụ 2:** The more, the merrier. (Càng đông càng vui.) -> (The more people there are, the merrier it will be.)
- **Ví dụ 3:** The harder, the better. (Càng khó càng tốt.)

VIDOCU.COM

4. Bảng tổng hợp các cấu trúc

Loại cấu trúc	Công thức	Ví dụ
Tính từ/Trạng từ ngắn	The + adj/adv-er + S + V, the + adj/adv-er + S + V.	The higher you jump, the harder you fall.
Tính từ/Trạng từ dài	The + more/less + adj/adv + S + V, the + more/less + adj/adv + S + V.	The more carefully you drive, the safer you are.
Danh từ	The + more/fewer/less + N + S + V, ...	The more experience you have, the better your salary is.
Động từ	The more + S + V, ...	The more you learn, the more you earn.
Dạng rút gọn	The + comparative, the + comparative.	The bigger, the better.

5. Bài tập vận dụng

Viết lại các câu sau sử dụng cấu trúc so sánh kép.

- 1. If you work hard, you will earn much money.
- 2. As she gets old, she becomes more beautiful.

3. If we start soon, we will finish soon.
4. The story is very interesting. I want to know more about it.
5. He ate a lot of food. He became fat.

Đáp án

1. The harder you work, the more money you will earn.
2. The older she gets, the more beautiful she becomes.
3. The sooner we start, the sooner we will finish.
4. The more interesting the story is, the more I want to know about it.
5. The more food he ate, the fatter he became.